

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST

Ngày 16 /4 /2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST – HNGĐ ngày 31/3/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị B - sinh ngày 26/9/1993

Số Căn cước: 038193xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T - sinh ngày 17/3/1993

Số căn cước: 038093xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay

là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 03/8/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Hoàng Gia H (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/11/2018 và Hoàng An C (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/10/2021. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị B không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Tuy nhiên, tại đơn đề nghị về việc không tiến hành hoà giải vụ án đề ngày 02/3/2026, chị B trình bày: Từ khi vợ chồng còn đang hoà thuận đến nay đã sống ly thân nhau nhưng vì điều kiện kinh tế, vợ chồng phải đi làm ăn xa nên đã gửi con lại cho ông bà nội (bố mẹ đẻ của anh T) để nhờ ông bà chăm sóc các cháu, vợ chồng gửi tiền về để ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc con giúp. Hiện nay hai cháu H, C vẫn đang ở cùng ông bà nội, cháu H đang học lớp 2 trường tiểu học T2 và cháu C đang học trường mầm non T2, hai ngôi trường này đóng trên địa bàn xã, gần nhà. Về điều kiện kinh tế, chị B làm nghề tự do nhưng thường xuyên phải đi làm xa nhà, công việc ổn định, thu nhập trung bình 15 – 16 triệu đồng/tháng. Chị B chưa có nhà cửa đất đai riêng, từ khi vợ chồng sống ly thân chị B ở nhờ nhà bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Duy S, bà Đinh Thị P ở thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Thôn T và thôn Q giáp nhau, nhà nội và ngoại cách nhau 1km. Hiện nay, bố mẹ chị B vẫn khoẻ mạnh, làm nghề tự do, thu nhập ổn định, kinh tế khá giả, nhà cửa rộng rãi. Nên khi được trực tiếp nuôi dưỡng con, mẹ con chị sẽ nương nhờ bố mẹ đẻ. Vì vậy, chị B có đủ điều kiện về kinh tế và các điều kiện khác để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt. Anh T có đất đai, nhà cửa kiên cố tại thôn Q, xã T. Anh T đi làm xa nhà, công việc và thu nhập của anh T cũng ổn định, vợ chồng đã sống ly thân nhau nên chị B không biết công việc và mức thu nhập cụ thể của anh T. Bố mẹ anh T hiện nay khoẻ mạnh, vợ chồng chị vẫn gửi con nhờ ông bà chăm sóc lâu nay. Vì vậy, anh T cũng có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con tốt. Để san sẻ bớt gánh nặng cho nhau, khi ly hôn chị B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng An C, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia H, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Hoàng Văn T.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/12/2025, UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa nơi chị B và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay

là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 03/8/2018. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh T sinh sống cùng với bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T và từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng chị B, anh T có 02 con chung tên là Hoàng Gia H (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/11/2018 và Hoàng An C (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/10/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau các cháu ở với ông bà nội tại thôn Q, xã T. Cháu H đang học lớp 2 trường tiểu học T2 và cháu C đang học trường mầm non T2, hai ngôi trường này đóng trên địa bàn xã, gần nhà. Nhà ông bà nội và nhà ông bà ngoại của các cháu cách nhau 1km. Về điều kiện kinh tế: chính quyền địa phương không nắm được hiện nay chị B và anh T làm gì, thu nhập như thế nào. Anh T có nhà cửa đất đai tại thôn Q. Quá trình sinh sống tại xã T, vợ chồng anh T, chị B có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị B vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh T. Về con chung, chị B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng An C, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia H, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B, xử cho chị B được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Giao con chung là Hoàng An C – sinh ngày 17/10/2021 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Hoàng Gia H – sinh ngày 05/11/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Hoàng Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh T cố tình trốn tránh. Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị B, anh T là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 03/8/2018. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào năm 2024 khi vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Hoàng Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T có 02 con chung tên là Hoàng Gia H (giới tính: Nữ), sinh ngày 05/11/2018 và Hoàng An C (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/10/2021. Hiện nay các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Khi ly hôn chị B có yêu cầu là giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Cháu H có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố và ông bà nội.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh T. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho các con, thấy rằng: Chị B và anh T đều có công ăn việc làm, có thu nhập. Hiện tại cả hai cháu H và C đang được ông bà nội (là bố mẹ đẻ của anh T) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; cuộc sống sinh hoạt và học tập của các

cháu đang ổn định. Các cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Cháu C mới hơn 4 tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ, cháu H có nguyện vọng được ở với bố. Nguyện vọng của chị B và của cháu H là hoàn toàn chính đáng. Để không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các con về mọi mặt, cũng như để san sẻ bớt gánh nặng cho chị B, anh T và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con. Do đó, giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; Điều 177; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Hoàng An C – sinh ngày 17/10/2021 (giới tính: Nữ) cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Hoàng Gia H – sinh ngày 05/11/2018 (giới tính: Nữ) cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

2.3. Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng chị B đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003618 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn T không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang